

Bản án số: 32/2023/HS-ST
Ngày 23-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Bình**

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông **Hán Văn M**
+ Ông **Phạm Ngọc Minh**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lê Thị Nhân**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà **Lưu Thị Kim Thuyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2023/HSST ngày 07 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2023 và theo Thông báo về việc dời ngày mở phiên tòa xét xử số 01/2023/TB-TA, ngày 05 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Quang T, sinh ngày 25-6-1976, tại Ninh Thuận; Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá (học vấn): 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Quang T1, sinh năm 1936 và bà Nguyễn Thị L (Đã chết); Chưa vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23/3/2001, bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác”.

Hiện bị cáo Lê Quang T đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/3/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Ngọc V, sinh ngày 19-5-1980, tại Ninh Thuận; Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá (học vấn): 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Ngọc H, sinh năm 1957 và bà Trần Thị D, sinh năm 1957; Vợ là Võ Thị S, sinh năm 1983; Có 06 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo Phan Ngọc V đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/3/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Khu phố x, pH P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (Có mặt).

- **Người làm chứng:**

1. Bà Trần Thị Như R, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt).

3. Em Trần Quốc B, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Khu phố 4, pH P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (Vắng mặt).

4. Em Phan Thị Thu K, sinh năm 2009; Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Có mặt).

- **Người đại diện hợp pháp của Phan Thị Thu K:** Bà Võ Thị S, sinh năm 1983 – Là mẹ ruột; Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 04-02-2023, Lê Quang T cùng với Phan Ngọc V đi bộ đến Chùa D thuộc thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận để thắp hương. Sau khi thắp hương xong, T với V ra bàn ghế đá ở sân chùa ngồi chơi, tại đây có bà Nguyễn Thị M, anh Trần Quốc B (con trai chị M) và bà Nguyễn Thị Ngọc H cũng đang ngồi chơi. Một lúc sau, V đi về trước còn T thì ngồi lại tại đây. Trong lúc ngồi chơi, chị M có để 01 cái ví màu vàng bên trong có 01 cái điện thoại cảm ứng hiệu OPPO A5 2020 và số tiền 3.100.000 đồng trên bàn ghế đá rồi vào bếp của chùa. Lợi dụng sơ hở T đã lấy trộm ví của chị M rồi đi bộ về. Khi đi ra khỏi cổng chùa thì T thấy V đang đi bộ cách cổng chùa khoảng 05m thì T gọi V lại và nói với V là “Mới lấy được ví của người ta” rồi T đưa ví cho V giữ, V cầm ví và nói “Đi nhanh, về nhà em”. Sau đó, T và V đi bộ về nhà V, tại đây, V đã lấy điện thoại trong ví đưa cho con gái là Phan Thị Thu K tắt nguồn và cất giữ, số tiền trong ví V đưa cho T 1.450.000 đồng, còn V cất giữ 1.650.000 đồng.

Sau khi phát hiện mình bị mất tài sản, chị M đã đến Công an xã P để trình báo sự việc. Quá trình làm việc với Cơ quan Công an, Lê Quang T và Phan Ngọc V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời giao nộp toàn bộ tang vật của vụ án.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 16/KLĐGTS-PTCKH ngày 02-3-2023, Hội đồng định giá tài sản TH tuyên trong tố tụng hình sự huyện N đã kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 2020, màu trắng, dung lượng 128GB trị giá 1.796.000 đồng và 01 ví đựng tiền màu vàng có khóa kéo, bên ngoài bằng nhựa, bên trong bằng vải, kích thước (20x15)cm trị giá 31.250 đồng. Tổng giá trị của số tài sản trên là 1.827.250 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 4.927.250 đồng

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.
- Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho bị hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo Phan Ngọc V hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tạm giữ và xử lý như sau:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 2020, màu trắng, dung lượng 128GB;
- 01 ví đựng tiền màu vàng có khóa kéo, bên ngoài bằng nhựa, bên trong bằng vải, kích thước (20x15)cm;
- Số tiền 3.100.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của chị Nguyễn Thị M nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chị Nguyễn Thị M là có căn cứ.

Về dân sự: Bà Nguyễn Thị M sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt thì không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên không xem xét.

Tại phiên tòa các bị cáo Lê Quang T, Phan Ngọc V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận bản cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng và không kêu oan, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bản Cáo trạng số 26/CT-VKS-HS, ngày 04-4-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo Lê Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 và bị cáo Phan Ngọc V về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thu thập

trong quá trình điều tra cũng như diễn biến của phiên tòa vẫn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” và bị cáo Phan Ngọc V về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm s (Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) khoản 1 Điều 51, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho bị hại khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo Lê Quang T từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù, Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm s (Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải), i (Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng) khoản 1 Điều 51, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho bị hại khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo Phan Ngọc V từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Lê Quang T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Đối với bị cáo Phan Ngọc V thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo Lê Quang T, Phan Ngọc V không trình bày tranh luận.

Người bị hại bà Nguyễn Thị M không trình bày tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa người làm chứng vắng mặt. Xét việc vắng mặt của người làm chứng, không ảnh hưởng đến việc xét xử các bị cáo, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3]. Về tội danh, khung hình phạt đối với các bị cáo:

Xét lời khai của các bị cáo, bị hại, người làm chứng tại Cơ quan điều tra, đơn trình báo, biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc, cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Do bản tính tham lam, lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân, nên bị cáo Lê Quang T, đã thực hiện hành vi lén lút, bí mật trộm cắp tài sản như sau: Vào ngày 04-02-2023, Lê Quang T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 2020, màu trắng trị giá 1.796.000đ, 01 ví đựng tiền màu vàng có khóa kéo, bên ngoài bằng nhựa, bên trong bằng vải trị giá 31.250đ và 3.100.000đ tiền mặt của bà Nguyễn Thị M. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 4.927.250đ.

Đối với bị cáo Phan Ngọc V, mặc dù biết các tài sản mà Lê Quang T đưa, có nguồn gốc là do bị cáo Lê Quang T phạm tội mà có, nhưng vì tham lam nên bị cáo đã lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 2020 màu trắng trị giá 1.796.000đ, 01 ví đựng tiền màu vàng có khóa kéo, bên ngoài bằng nhựa, bên trong bằng vải trị giá 31.250đ và 1.650.000đ tiền mặt mà bị cáo Lê Quang T đã trộm cắp đưa cho bị cáo để cất giữ.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Lê Quang T, Phan Ngọc V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đồng thời, giao nộp lại toàn bộ tang vật.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 16/KLĐGTS-PTCKH ngày 02-3-2023, Hội đồng định giá tài sản tH tuyên trong tố tụng hình sự huyện N đã kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 2020, màu trắng, dung lượng 128GB trị giá 1.796.000 đồng và 01 ví đựng tiền màu vàng có khóa kéo, bên ngoài bằng nhựa, bên trong bằng vải, kích thước (20x15)cm trị giá 31.250 đồng. Tổng giá trị của số tài sản trên là 1.827.250 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 4.927.250 đồng.

Hành vi của bị cáo Lê Quang T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Phan Ngọc V đã phạm vào tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”, được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Xác định nguyên nhân, lỗi, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Nguyên nhân các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ bản tính tham lam, lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân, không nhằm mục đích làm nguồn sống; hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý. Tội phạm mà bị cáo Lê Quang T thực hiện được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là tội phạm ít nghiêm trọng có khung hình phạt cao nhất đến 03 năm tù.

Còn tội phạm mà bị cáo Phan Ngọc V thực hiện được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là tội phạm ít nghiêm trọng có khung hình phạt cao nhất đến 03 năm tù.

[5]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[6]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho bị hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Riêng bị cáo Phan Ngọc V hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7]. Về tiền án, tiền sự và nhân thân:

- Đối với bị cáo Lê Quang T vào ngày 23/3/2001, bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác”. Đáng lẽ ra, bị cáo phải lấy đó làm bài học cho bản thân, nhưng vì lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, nên đã tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác.

- Đối với bị cáo Phan Ngọc V không có.

[8]. Quyết định hình phạt chính đối với các bị cáo:

- Hành vi của bị cáo Lê Quang T là nguy hiểm, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật B vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

- Hành vi của bị cáo Phan Ngọc V là nguy hiểm, đã xâm phạm đến quản lý trật tự công cộng của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó cần phải xử lý bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm mục đích răn đe và góp phần phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lý lịch rõ ràng. Các tình tiết này được quy định tại i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, hậu quả và nhân thân bị cáo; Hội đồng xét xử không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành công dân tốt có ích cho xã hội sau này.

[9]. Về hình phạt bổ sung: Đối với bị cáo Lê Quang T nghề nghiệp không ổn định, còn bị cáo Phan Ngọc V thuộc diện hộ nghèo tại địa phương, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[10]. Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 2020, màu trắng, dung lượng 128GB; 01 ví đựng tiền màu vàng có khóa kéo, bên ngoài bằng nhựa, bên trong bằng vải, kích thước (20x15)cm; Số tiền 3.100.000 đồng. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của bà Nguyễn Thị M, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chị Nguyễn Thị M là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[11]. Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị M sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt thì không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[12]. Đối với Phan Thị Thu K khi cất giữ điện thoại không biết đây là tài sản do phạm tội mà có và tính ngày các bị cáo phạm tội (04-02-2023) thì Phan Thị Thu K, sinh ngày 13-5-2009 chưa đủ 14 tuổi, nên cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với Phan Thị Thu K là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[13]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Lê Quang T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phan Ngọc V thuộc diện hộ nghèo, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo Lê Quang T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Quang T 07 (Bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 323, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo Phan Ngọc V phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt: Bị cáo Phan Ngọc V 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án (Ngày 23/6/2023).

Giao bị cáo Phan Ngọc V cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Lê Quang T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phan Ngọc V được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo, bị hại, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23-6-2023).

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo được hưởng án treo)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Bình

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị H – Lê Quang Chính

Nguyễn Thanh Bình